

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/DS-ST

Ngày: 14-5-2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn Trung Sơn, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Phú Long, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2025, biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2026, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Thị A trình bày:

Do chỗ quen biết với nhau và cùng là người địa phương nên bà có cho ông Nguyễn Duy L vay tiền 02 lần với tổng số tiền là 23.000.000đồng, cụ thể:

- Ngày 18/7/2023 ông L vay 10.000.000đồng;

- Ngày 20/02/2024 ông L vay 13.000.000đồng.

Khi ông L vay tiền, giữa bà và ông L không thoả thuận về lãi suất cho vay. Đối với số tiền vay 10.000.000đồng thì hai bên thoả thuận miệng khi nào bà cần thì ông L sẽ trả lại cho bà nhưng trong giấy nợ không ghi cụ thể. Đối với số tiền vay 13.000.000đồng thì hai bên thoả thuận tháng 6/2024 ông L sẽ trả cho bà.

Trong hai lần vay tiền nêu trên, bà là người trực tiếp đưa tiền cho ông L nhận ngay trong ngày viết giấy nợ, đây là hai khoản vay khác nhau, tổng số tiền vay là 23.000.000đồng. Từ khi ông L vay tiền đến nay bà đã nhiều lần gặp và yêu cầu ông L trả số tiền nợ 23.000.000đồng cho bà nhưng ông L cố tình tránh né, không chịu trả.

Toàn bộ số tiền 23.000.000đồng mà bà đã cho ông L vay như đã nêu trên là tiền của cá nhân bà, không liên quan gì đến người nào khác. Khi bà cho ông L vay tiền thì ông L nói để sử dụng cá nhân, lúc đó chỉ có một mình ông L đến vay, viết giấy nợ và nhận tiền, không liên quan gì đến vợ, con của ông L hay người nào khác. Do đó, bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Duy L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 23.000.000đồng, bà không yêu cầu ông L trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Nguyễn Duy L nhưng ông L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không tham gia phiên toà, phiên họp theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A. Buộc ông Nguyễn Duy L phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị A 23.000.000đồng; về lãi suất: Bà A không yêu cầu nên không xem xét. Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đỗ Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Duy L thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các giấy nợ ngày 18/7/2023 và 20/02/2024. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Duy L có nơi cư trú tại thôn Phú Long, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Duy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ theo giấy nợ ngày 18/7/2023 và 20/02/2024, ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Đỗ Thị A trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định: Ông Nguyễn Duy L có vay tiền của bà Đỗ Thị A 02 lần với tổng số tiền là 23.000.000đồng, cụ thể: Ngày 18/7/2023 ông L vay 10.000.000đồng và ngày 20/02/2024 ông L vay 13.000.000đồng.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà A xác định toàn bộ số tiền 23.000.000đồng mà bà đã cho ông L vay là tiền của cá nhân bà. Khi vay tiền, ông L nói để sử dụng cá nhân, lúc đó chỉ có một mình ông L đến vay, viết giấy nợ và nhận tiền, không liên quan gì đến vợ, con của ông L hay người nào khác. Do đó, bà A chỉ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Duy L phải có nghĩa vụ trả cho bà toàn bộ số tiền nợ nêu trên.

[2.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng khác cho ông Nguyễn Duy L nhưng ông L không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia các phiên họp, phiên tòa. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có căn cứ xác định ông Nguyễn Duy L có vay của bà Đỗ Thị A tổng số tiền là 23.000.000đồng và số tiền vay nêu trên là khoản nợ riêng của cá nhân ông Nguyễn Duy L.

[2.4] Mặc dù giấy nợ ngày 18/7/2023 không thể hiện thời hạn trả nợ nhưng quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị A cho rằng hai bên thoả thuận miệng khi nào bà cần thì ông L sẽ trả lại cho bà. Đối với giấy nợ ngày 20/02/2024, ông L hẹn tháng 6/2024 sẽ trả cho bà A. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, bà A đã nhiều lần gặp, yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L cố tình tránh né, không chịu trả. Việc ông L không trả khoản nợ nêu trên cho bà A khi đến hạn và có yêu cầu trả nợ của bà A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L trả cho bà A số tiền 23.000.000đồng theo giấy

nợ ngày 18/7/2023 và 20/02/2024 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Đỗ Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A được Tòa án chấp nhận với số tiền là 23.000.000đồng nên bị đơn ông Nguyễn Duy L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông L phải chịu là: 23.000.000đồng x 5% = 1.150.000đồng.

Bà Đỗ Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà A được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không xem xét xử lý.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 469 và 688 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A.
2. Buộc ông Nguyễn Duy L phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị A tổng số tiền là 23.000.000đồng (hai mươi ba triệu đồng).
3. Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Đỗ Thị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

Bà Đỗ Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Duy L phải chịu 1.150.000đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong